

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/KDTM-ST

Ngày 12-01-2026

Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 100/2025/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Số B, đường D, tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phan Thị Xuân H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Số B đường N, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2025); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S1; địa chỉ: Căn hộ S B, 7 P, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh L; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H và bà Phan Thị Xuân H1 trình bày:

Ngày 01/4/2024, Công ty TNHH S (gọi tắt Công ty S) và Công ty TNHH S1 (gọi tắt Công ty S1) có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 001-20242 về việc cung cấp thùng carton, phim in, giấy cuộn với phương thức và điều kiện thanh toán là:

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Hình thức thanh toán: Sau khi nhận được hóa đơn Công ty S1 phải chuyển khoản. Việc thanh toán từng lần đặt hàng được quy định rõ trong xác nhận đặt hàng, tuy nhiên về nguyên tắc - tiến độ thanh toán: Thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Theo hợp đồng nguyên tắc có đề cập đến vấn đề đặt cọc nhưng thực tế giữa hai Công ty S và Công ty S1 không có đặt cọc khi mua bán, đồng thời cũng không có đơn đặt hàng mà chỉ điện thoại cho nhau trao đổi việc mua bán, giao nhận hàng hóa mua bán thông qua phiếu xuất kho giữa 02 bên ký nhận.

Từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 8/2024 Công ty S có bán cho Công ty S1 lô hàng là các thùng carton, phim in, giấy cuộn với tổng giá trị hàng hóa là 118.036.271 đồng, theo các Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 46 ngày 04/6/2024; Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 69 ngày 01/8/2024; Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 80 ngày 30/8/2024. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay Công ty S1 trốn tránh nghĩa vụ, không chịu thanh toán cho Công ty S.

Vì vậy, Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty S1 thanh toán cho Công ty S số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 118.036.271 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 5/2024 đến thời điểm xét xử (12/01/2026) với tổng số tiền là $118.036.271 \text{ đồng} \times 0.833\% / \text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 19.594.021 \text{ đồng}$. Tổng cộng 137.630.292 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 46 ngày 04/6/2024; Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 69 ngày 01/8/2024; Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 80 ngày 30/8/2024; các phiếu xuất kho ngày 07/6/2024, 15/6/2024, 21/6/2024 và ngày 08/8/2024.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/11/2025, tham gia phiên tòa vào các ngày 19/12/2025 và 12/01/2026 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Căn hộ S B, 7 P, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Công ty TNHH S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 19/12/2025 và ngày 12/01/2026 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét Hợp đồng nguyên tắc số: 001-20242 ngày 01/4/2024 về việc cung cấp hàng hóa là thùng carton, phim in, giấy cuộn được ký kết giữa Công ty TNHH S với Công ty TNHH S1, là hợp đồng thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Thương mại.

Theo nội dung các Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 46 ngày 04/6/2024; Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 69 ngày 01/8/2024; Hóa đơn thuế giá trị gia tăng số 80 ngày 30/8/2024; các phiếu xuất kho ngày 07/6/2024, 15/6/2024, 21/6/2024 và ngày 08/8/2024 thể hiện Công ty S1 còn nợ Công ty S số tiền mua bán hàng hóa là 118.036.271 đồng. Vì vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty S1 thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ là 118.036.271 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn:

Theo Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Tại Hợp đồng nguyên tắc số: 001-20242 ngày 01/4/2024, Công ty S1 và Công ty S thỏa thuận về lãi chậm thanh toán là 12%/năm. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán, mức lãi suất yêu cầu là 10%/năm (0,833%/ tháng) với số tiền 19.594.021 đồng, là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S1 phải chịu án phí trên số tiền trả cho Công ty TNHH S theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 91, 96, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH S1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” .

- Buộc Công ty TNHH S1 phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền mua bán hàng hóa còn nợ tính đến ngày 12/01/2026 là 137.630.292 đồng, trong đó bao gồm: Nợ 118.036.271 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 19.594.021 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S1 phải chịu 8.881.515 đồng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.452.561 đồng theo biên lai thu tiền số 0028434 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

